

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 17/02/2025

V/v: “Yêu cầu không
công nhận vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phước Lộc

2. Bà Nguyễn Tường Diễm Linh Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Cẩm Duyên - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú quốc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024 về vụ án “*Yêu cầu không công nhận vợ chồng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2025/QĐST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ A, ấp G, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Hà Văn T1, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Khu phố B, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày:

Vào năm 2014, tôi và ông Hà Văn T1 tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau chung sống vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống vui vẻ, hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây tôi và ông T1 xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến với nhau trong cuộc sống dẫn đến thường hay cãi nhau và tình cảm không còn hạnh phúc. Nay tôi xét thấy tình cảm giữa tôi và ông T1 không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn với nhau được nữa nên tôi yêu cầu không công nhận vợ chồng với ông Hà Văn T1.

Về con chung: Quá trình chung sống tôi và ông T1 có với nhau một người con chung tên Võ Nhật M, sinh ngày 17/6/2015. Đã lớn, có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, nếu sống với tôi thì tôi không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tôi và ông T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tôi cam kết không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Hà Văn T1 trình bày:

Tôi và bà T tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và chung sống như vợ chồng vào năm 2014, nhưng không có đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2024, tôi có đi uống rượu về có lời qua tiếng lại với bà T và có đánh bà T một bạt tay. Từ đó, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân với nhau. Tuy nhiên, tôi còn tình cảm với bà T muốn về đoàn tụ để lo cho con nên không đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Tôi và bà T có một người con chung tên Võ Nhật M, sinh ngày 17/6/2015, nếu Tòa giải quyết không công nhận vợ chồng giữa tôi với bà T thì tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con cùng tôi.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho

đến khi trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 14; khoản 2 Điều 53; khoản 2 Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị T và ông Hà Văn T1.

Về con chung: Giao con chung tên Võ Nhật M, sinh ngày 17/6/2015 cho ông T1 chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T với ông T2 tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét nên miễn xét.

Về nợ chung: Bà T với ông T1 xác nhận không có, nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Võ Thị T khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa bà với ông T1, nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Yêu cầu không công nhận vợ chồng”.

Bị đơn cư trú tại thành phố P, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Võ Thị T có đơn xin vắng mặt. Bị đơn ông Hà Văn T1 đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Vào năm 2014, bà Võ Thị T và ông Hà Văn T1 tìm hiểu yêu thương nhau và chung sống vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2024 vì mâu thuẫn với nhau nên ông bà đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn với nhau được nữa nên bà T yêu cầu không công nhận vợ chồng với ông T1.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà T và ông T1 chung sống như vợ chồng từ năm 2014, mặc dù có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng cho đến nay ông bà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại

Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, do đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình nên bà T khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông T1 là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà T và ông T1 xác nhận có một người con chung tên Võ Nhật M, sinh ngày 17/6/2015. Ông T1 có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu M đến tuổi trưởng thành, bà T cũng đồng ý giao cháu M cho ông T1 nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu M muốn sống với cha khi cha mẹ ly hôn. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung tên Võ Nhật M cho ông T1 chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông T1 không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Bà T và ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà T và ông T1 cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006732, ngày 06/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà T đã nộp xong. Ông T1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, 53, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị T đối với bị đơn ông Hà Văn T1 về việc không công nhận vợ chồng.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị T và ông Hà Văn T1.

Về con chung: Giao con chung tên Võ Nhật M, sinh ngày 17/6/2015 cho ông Hà Văn T1 chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Hà Văn T1 không yêu cầu bà Võ Thị T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi cần thiết các đương sự có quyền thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ, thăm nom và chăm sóc con chung.

Về tài sản chung: Bà Võ Thị T và ông Hà Văn T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà Võ Thị T và ông Hà Văn T1 cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà Võ Thị T phải chịu án phí sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006732, ngày 06/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà T đã nộp xong. Ông T1 không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP Phú Quốc;
- CCTHA dân sự TP Phú Quốc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Văn Bình